

Số: 28/2021/QĐST-HNGĐ

Yên Khánh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Anh Tô Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 6, Nam C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 4B, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Tô Văn T và chị Nguyễn Thị G.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Giao cháu Tô Nguyễn Thảo M, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và cháu Tô Anh C, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị Nguyễn Thị G với mức là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) mỗi cháu mỗi tháng, kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Anh Tô Văn T và chị Nguyễn Thị G không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Tô Văn T không thi hành hết khoản tiền trên thì anh Tô Văn T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh Tô Văn T và chị Nguyễn Thị G không có tài sản chung (riêng), về công nợ và đất nông nghiệp không có nên anh T, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Tô Văn T nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0005408 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung